

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2017/DS-ST

Ngày: 08-9-2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhiệm.

2. Bà Nguyễn Thị Nhân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị T, sinh năm 1963.

Trú tại: Đường H, khu phố A, phường A, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bùi Văn D, sinh năm 1956 (Có mặt).

Trú tại: ấp A, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* - Nguyễn Ngọc Phương D, sinh năm 1987 (Có mặt).

- Võ Thị M, sinh năm 1964 (Có mặt).

Cùng trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bùi Thị T, ông Bùi Văn D trình bày:***

Vào ngày 28/10/2016 âm lịch bà Bùi Thị T cho chị D và bà M vay 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng. Đến ngày 13/02/2017 âm lịch, bà T có cho chị D và bà M vay tiếp 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng; tổng cộng hai lần bà T cho chị D và bà M vay 250.000.000 đồng. Ngày 13/02/2017 âm lịch, bà T có làm giấy biên nhận mượn tiền do bà T viết,

chị D và bà M có ký tên và ghi họ tên của chị D và bà M vào giấy biên nhận mượn tiền. Chị D và bà M có hẹn 01 tháng thì trả tiền cho bà T, nhưng không trả. Trong thời gian vay tiền chị D và bà M có trả tiền lãi cho bà T, cụ thể: Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, chị D, bà M có trả được 50.000.000 đồng tiền lãi; đối với số tiền vay 150.000.000 đồng chị D và bà M có trả được cho bà T 15.000.000 đồng tiền lãi; tổng cộng chị D và bà M trả cho bà T 65.0000.000 đồng tiền lãi. Chị D và bà M trả tiền lãi cho bà T không có làm biên nhận, giấy tờ gì. Bà T nhiều lần yêu cầu chị D, bà M trả tiền, nhưng cho đến nay chị D, bà M không trả tiền.

Nay ông D đại diện theo ủy quyền của bà T cần trừ 32.500.000 đồng tiền lãi chị D và bà M đã trả cho bà T vào số tiền vốn 250.000.000 đồng; nên hiện nay chị D và bà M còn nợ bà T số tiền 217.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông D đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu chị D và bà M liên đới trả lại cho bà T số tiền 217.500.000 đồng, cụ thể như sau: Trả 100.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật; trả 117.500.000 đồng một lần vào ngày 08/11/2017; không yêu cầu chị D, bà M trả tiền lãi.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Ngọc Phương D trình bày:**

Vào tháng 10/2016 âm lịch chị D vay của bà Bùi Thị T 100.000.000 đồng; đến ngày 13/02/2017 âm lịch, chị D và bà M vay tiếp của bà T 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng; tổng cộng hai lần chị D và bà M vay của bà T 250.000.000 đồng. Ngày 13/02/2017 âm lịch, bà T có làm giấy biên nhận mượn tiền do bà T viết, chị D và bà M có ký tên và ghi họ tên của chị D và bà M vào giấy biên nhận mượn tiền. Trong thời gian vay tiền chị D và bà M có trả tiền lãi cho bà T, cụ thể: Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, chị D và bà M có trả được cho bà T 50.000.000 đồng tiền lãi; đối với số tiền vay 150.000.000 đồng chị D và bà M có trả được cho bà T 30.000.000 đồng tiền lãi; tổng cộng chị D và bà M trả cho bà T 80.0000.000 đồng tiền lãi. Chị D và bà M trả tiền lãi cho bà T không có làm biên nhận, giấy tờ gì. Hiện nay chị D và bà M còn nợ bà T tiền vốn 250.000.000 đồng. Chị D và bà M trả cho bà T tiền lãi là 80.000.000 đồng chứ không phải 65.000.000 đồng tiền lãi như ông D trình bày; nhưng ông D cần trừ 32.500.000 đồng tiền lãi vào tiền vốn 250.000.000 đồng, nên còn lại bà T 217.500.000 đồng, chị D đồng ý.

Tại phiên tòa, chị D đồng ý liên đới với bà M trả lại cho bà T số tiền 217.500.000 đồng, nhưng xin trả dần tiền cụ thể như sau: Từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến tháng 12/2017 trả mỗi tháng 1.000.000 đồng; từ tháng 01/2018 trở đi mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị M trình bày:**

Vào tháng 10/2016 âm lịch chị D vay của bà Bùi Thị T 100.000.000 đồng; đến ngày 13/02/2017 âm lịch, bà M và chị D vay tiếp của bà T 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng; tổng cộng hai lần bà M và chị D vay của bà T 250.000.000 đồng. Ngày 13/02/2017 âm lịch, bà T có làm giấy biên nhận mượn tiền do bà T viết, bà M và chị D có ký tên và ghi họ tên của chị D và bà M vào giấy biên nhận mượn tiền. Trong thời gian vay tiền bà M và chị D có trả tiền

lãi cho bà T, cụ thể: Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, trả được cho bà T 50.000.000 đồng tiền lãi; đối với số tiền vay 150.000.000 đồng có trả được cho bà T 30.000.000 đồng tiền lãi; tổng cộng bà M và chị D trả cho bà T 80.000.000 đồng tiền lãi. Bà M và chị D trả tiền lãi cho bà T không có làm biên nhận, giấy tờ gì. Hiện nay bà M và chị D còn nợ bà T tiền vốn 250.000.000 đồng. Bà M và chị D trả cho bà T tiền lãi là 80.000.000 đồng chứ không phải 65.000.000 đồng tiền lãi như ông D trình bày; nhưng ông D cần trừ 32.500.000 đồng tiền lãi vào tiền vốn 250.000.000 đồng, nên còn lại bà T 217.500.000 đồng, bà M đồng ý.

Tại phiên tòa, bà M đồng ý liên đới với chị D trả lại cho bà T số tiền 217.500.000 đồng, nhưng xin trả dần tiền cụ thể như sau: Từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến tháng 12/2017 trả mỗi tháng 1.000.000 đồng; từ tháng 01/2018 trở đi mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, cần áp dụng giải quyết theo điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Xét bà T yêu cầu chị D và bà M liên đới trả lại số tiền 217.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, là có cơ sở. Bởi lẽ, ông D đại diện theo ủy quyền của bà T có cung cấp giấy biên nhận do bà T viết có nội dung: “*Tôi tên Nguyễn Ngọc Phương D SN 1987. Đ/c 452 Quầy thuốc 6/6 D. Ấp T, xã Đ, huyện G, TG. Hôm nay Tôi có mượn của Dì T số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm chục triệu). Tôi sẽ Hoàn trả lại cho Dì sau 1 tháng. Nếu tôi làm sai biên nhận Tôi sẽ Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Chị D và bà M thừa nhận có vay của bà T số tiền 250.000.000 đồng theo nội dung biên nhận nêu trên; đồng thời, chị D và bà M thừa nhận nội dung trong giấy biên nhận nêu trên do bà T viết, chị D và bà M có ký tên và ghi họ tên của chị D và bà M vào giấy biên nhận. Trong thời gian vay tiền chị D và bà M có trả tiền lãi, nhưng chưa trả tiền vốn cho bà T. Mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu chị D và bà M trả tiền, nhưng không trả. Nên bà T khởi kiện yêu cầu chị D và bà M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, ông D đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng chị D và bà M có trả cho bà T 65.000.000 đồng tiền lãi. Phía chị D và bà M cho rằng trả cho bà T được 80.000.000 đồng tiền lãi. Nhưng việc giao nhận tiền lãi giữa chị D, bà M với bà T không có làm biên nhận, giấy tờ gì. Chị D, bà M cho rằng trả cho bà T 80.000.000 đồng tiền lãi, nhưng chị D và bà M không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của chị D và bà M, ông D không đồng ý; nên có cơ sở xác định chị D và bà M chỉ có trả cho bà T 65.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, ông D đại diện theo ủy quyền của bà T cần trừ 32.500.000 đồng tiền lãi vào số tiền vốn 250.000.000 đồng, chị D và bà M đồng ý, nên hiện nay chị D và bà M còn nợ bà T tiền vốn là 217.500.000 đồng. Xét thấy ông D đại diện theo ủy quyền của bà T với chị D và bà M thống nhất về số tiền nợ là 217.500.000 đồng, nên ghi nhận.

[4] Về cách trả tiền: Tại phiên tòa, ông D đại diện ủy quyền của bà T yêu cầu chị D và bà M liên đới trả cho bà T 217.500.000 đồng, cụ thể như sau: Trả 100.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật; trả 117.500.000 đồng vào ngày 08/11/2017. Phía chị D và bà M đồng ý trả cho bà T 217.500.000 đồng, nhưng yêu cầu được trả dần tiền như sau: Từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến tháng 12/2017 trả mỗi tháng 1.000.000 đồng; từ tháng 01/2018 trở đi mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu của chị D và bà M là không có cơ sở; bởi vì, yêu cầu của chị D và bà M như trên nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho bà T. Mặt khác, ông D đại diện ủy quyền của bà T không đồng ý cách trả dần tiền của chị D và bà M; nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị D và bà M. Việc ông D cho chị D và bà M trả tiền theo thời gian như trên là tự nguyện và có lợi cho chị D và bà M, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[6] Về án phí: Chị D và bà M phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị D, bà M có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn đã được Ủy ban nhân dân xã Đồng Thạnh xác nhận, nên Hội đồng xét xử xem xét miễn, giảm 50% tiền án phí cho chị D, bà M.

[7] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.
 - Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

- Buộc chị Nguyễn Ngọc Phương D và bà Võ Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị T số tiền 217.500.000 đồng (*Hai trăm mười bảy triệu năm trăm đồng*); trả dần tiền theo thời gian cụ thể như sau:

- + Trả 100.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.
- + Trả 117.500.000 đồng một lần vào ngày 08/11/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

- + Chị D và bà M phải liên đới nộp 5.437.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- + Hoàn lại cho bà T tiền tạm ứng án phí 6.500.000 đồng theo biên lai số 38729 ngày 06/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Bà T, chị D, bà M, ông D (đại diện theo ủy quyền của bà T) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

LÊ TRUNG HIẾU